TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP.ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 99/2023/QĐST-HNGĐ	*Hòa Vang, ngày 21 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 114/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông Bùi Đức T, sinh năm 1969

+ Bà Trần Thị A, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức T và bà Trần Thị A kết hôn năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông T và bà A cùng sống chung tại số nhà K01/10 T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2009 giữa ông T và bà A phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mặc dù đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, cuộc sống ngày càng bức bối, khó chịu. Bà A và ông T sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Ông T và bà A xác định mẫu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị Toà án giải quyết cho ông T và bà A được thuận tình ly hôn.

Xét sự thuận tình ly hôn của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận là có cơ sở, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông Bùi Đức T và bà Trần Thị A xác nhận có 02 con chung tên là Bùi Thị Ánh H, sinh năm 1993 và Bùi Thị L, sinh năm 1994. Các con chung đã trên 18 tuổi nên không đề cập.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Đức T và bà Trần Thị A xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* ông Bùi Đức T và bà Trần Thị A mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận ông Bùi Đức T và bà Trần Thị A thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông Bùi Đức T và bà Trần Thị A xác nhận có 02 con chung tên là Bùi Thị Ánh H, sinh năm 1993 và Bùi Thị L, sinh năm 1994. Các con chung đã trên 18 tuổi nên không đề cập.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Bùi Đức T và bà Trần Thị A xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* ông Bùi Đức T và bà Trần Thị A mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* ông Bùi Đức T và bà Trần Thị A đã nộp theo biên lai thu số 0000454 ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Bùi Đức T và bà Trần Thị A đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H, huyện H, Tp.Đà Nẵng;
(Số ĐKKH: 22 ngày 03/12/1992);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Nam